



Review Article

# The Conflict between Copyright and Freedom of Speech

Nguyen Bich Thao<sup>1,\*</sup>, Pham Ho Nam<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

<sup>2</sup>*Institute for Social Development Studies, Me Tri, Nam Tu Liem, Hanoi, Vietnam*

Received 15 November 2019

Revised 25 November 2019; Accepted 19 December 2019

**Abstract:** Copyright, on the one hand, promotes freedom of speech, but on the other hand it restricts or hinders free speech. To ensure the harmony and balance between copyright and freedom of speech for the development of a democratic society in which products of creativity are respected, there must be legal mechanisms to address the conflict between copyright and freedom of speech. This article analyzes the nature and origin of the conflict between copyright and freedom of speech and explores current legal solutions to this conflict in some countries to make suggestions for Vietnamese law.

**Keywords:** Copyright, intellectual property right, freedom of speech, freedom of expression.

---

\*Corresponding author.

*E-mail address:* [nguyenbichthao29@gmail.com](mailto:nguyenbichthao29@gmail.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4263>



## Xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận

Nguyễn Bích Thảo<sup>1,\*</sup>, Phạm Hồ Nam<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

<sup>2</sup>*Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội, Tòa nhà The Garden, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 15 tháng 11 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 11 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 19 tháng 12 năm 2019

**Tóm tắt:** Quyền tác giả một mặt thúc đẩy quyền tự do ngôn luận, mặt khác lại hạn chế, cản trở việc thực hiện quyền này. Để bảo đảm sự hài hòa, cân bằng giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận, góp phần vào sự phát triển của một xã hội dân chủ và tôn trọng các thành quả sáng tạo, cần có cơ chế pháp lý để giải quyết sự xung đột giữa hai quyền. Bài viết phân tích, lý giải bản chất, căn nguyên của sự xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận và các giải pháp pháp lý hiện hành ở các quốc gia để khắc phục sự xung đột nói trên, từ đó đưa ra một số gợi mở cho pháp luật Việt Nam.

**Từ khóa:** Quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do biểu đạt.

### 1. Khát quát về quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận

#### 1.1. Quyền tác giả

Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với các sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học (các “tác phẩm”). Quyền được pháp luật bảo hộ các lợi ích tinh thần và vật chất phát sinh từ tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học lần đầu tiên được ghi nhận ở Anh với sự ra đời của đạo luật bản quyền năm 1709. Quyền này cũng đã được thể hiện trong các văn kiện quốc tế về quyền

con người như Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948 (Điều 27.2) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa năm 1966 (Điều 15.1.c).

Quyền tác giả bao gồm các quyền nhân thân (quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; quyền công bố hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm) và các quyền tài sản (quyền làm bản sao tác phẩm, quyền làm tác phẩm phái sinh, quyền phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng, quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng, quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm). Quyền nhân thân nhìn chung chỉ thuộc về tác giả là người trực tiếp sáng tạo

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: [nguyenbichthao29@gmail.com](mailto:nguyenbichthao29@gmail.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4263>

ra tác phẩm, không thể chuyển giao cho người khác. Quyền tài sản và quyền công bố tác phẩm có thể chuyển giao cho người khác, và thuộc về chủ sở hữu quyền tác giả. Trường hợp tác giả sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để sáng tạo ra tác phẩm thì tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả và có cả các quyền nhân thân và các quyền tài sản. Trường hợp tác giả sáng tạo ra tác phẩm trên cơ sở được người khác giao nhiệm vụ hoặc giao kết hợp đồng thì tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ hoặc giao kết hợp đồng với tác giả là chủ sở hữu quyền tác giả và nắm giữ quyền công bố tác phẩm cũng như các quyền tài sản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

### 1.2. Quyền tự do ngôn luận

Quyền tự do ngôn luận là một quyền cơ bản của con người, được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế về nhân quyền cũng như trong hiến pháp của các quốc gia. Điều 19 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị quy định: “Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ”. Theo định nghĩa này, có thể thấy rằng quyền tự do ngôn luận chính là quyền tự do biểu đạt. Quyền tự do ngôn luận cho phép cá nhân được tự do tìm kiếm, nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý kiến để phục vụ cho nhu cầu của mình, được biểu đạt, thể hiện và trình bày những ý tưởng, quan điểm và chính kiến của mình mà không có bất cứ sự can thiệp, tước bỏ hay hạn chế một cách tùy tiện và trái luật. Công ước trên còn quy định quyền tự do ngôn luận có thể phải chịu một số hạn chế nhất định, nhưng những hạn chế này phải được quy định trong luật và là cần thiết để tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác, hoặc để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe cộng đồng hoặc đạo đức xã hội.

Khái niệm tự do ngôn luận có thể được tìm thấy trong các văn kiện chính trị-pháp lý quốc tế

từ rất sớm trong lịch sử nhân loại. Bộ luật về quyền (Bill of Rights) của Vương quốc Anh ngay từ năm 1680 đã quy định quyền hiến định về tự do ngôn luận [1]. Điều 11 Tuyên ngôn Dân quyền và Nhân quyền của Pháp năm 1789 cũng khẳng định quyền tự do trình bày ý tưởng, quan điểm là một trong những quyền quý giá nhất của con người [2].

Quyền tự do ngôn luận, tự do biểu đạt cũng được ghi nhận trong Công ước châu Âu về nhân quyền (Điều 10) và Hiến chương về các quyền cơ bản của Liên minh châu Âu. Theo các văn kiện này, quyền tự do biểu đạt bao gồm tự do giữ ý kiến và tiếp nhận, truyền đạt thông tin, ý kiến mà không bị can thiệp bởi cơ quan công quyền và bất kể biên giới. Công ước châu Âu về nhân quyền quy định thêm rằng việc thực hiện quyền tự do biểu đạt có thể bị hạn chế theo quy định của luật và khi cần thiết trong một xã hội dân chủ, vì lợi ích an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ hoặc an toàn công cộng, hoặc để phòng ngừa sự hỗn loạn hay tội phạm, nhằm bảo vệ sức khỏe hoặc đạo đức, bảo vệ uy tín hoặc quyền của người khác, nhằm ngăn chặn việc tiết lộ thông tin bí mật, hoặc nhằm duy trì quyền hạn và sự vô tư của cơ quan tư pháp.

Hiến pháp hầu hết của các nước trên thế giới đều ghi nhận quyền tự do ngôn luận. Một trong những quốc gia bảo hộ quyền này một cách mạnh mẽ nhất là Hoa Kỳ. Tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Hoa Kỳ khẳng định tuyệt đối rằng Quốc hội không được ban hành bất cứ luật nào hạn chế quyền tự do ngôn luận hoặc tự do báo chí [3]. Hiến pháp các nước châu Âu ghi nhận quyền tự do ngôn luận nhưng vẫn quy định các trường hợp hạn chế quyền này. Chẳng hạn, theo Luật cơ bản của Đức, quyền tự do biểu đạt có thể bị hạn chế theo các quy định của luật chung, các quy định về bảo vệ trẻ em và bảo vệ danh dự, nhân phẩm cá nhân [4].

### 2. Sự thống nhất và xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận

Quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Sự tương tác giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận diễn ra theo hai chiều: một mặt, quyền tác giả

thống nhất với quyền tự do ngôn luận ở mục tiêu thúc đẩy sự tự do biểu đạt, khuyến khích hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật, khoa học; mặt khác, quyền tác giả lại cản trở việc thực hiện quyền tự do ngôn luận.

*2.1. Quyền tác giả thống nhất với quyền tự do ngôn luận ở mục tiêu thúc đẩy sự tự do biểu đạt, khuyến khích hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật, khoa học*

Việc ghi nhận và bảo vệ quyền tự do ngôn luận xuất phát từ tầm quan trọng rất lớn của ngôn luận tự do đối với việc duy trì và bảo đảm nền dân chủ. Nhờ có tự do ngôn luận, công dân có thể được tiếp cận các thông tin và quan điểm đa chiều về chính trị, kinh tế, xã hội, từ đó có thể tham gia một cách thực chất vào hoạt động của nhà nước. Tuy nhiên, tự do ngôn luận không chỉ giới hạn ở lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, mà còn bao hàm tự do biểu đạt và sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, giải trí. Ở khía cạnh này, bảo vệ quyền tự do ngôn luận và quyền tác giả có mục tiêu chung là đều thúc đẩy sự sáng tạo và phổ biến tri thức. Một cơ chế cho phép sự truyền đạt, phổ biến gần như không hạn chế các sáng tạo văn học, nghệ thuật, khoa học, cho phép mọi người tự do bàn luận hoặc chia sẻ thông tin về các tác phẩm đó, sẽ khuyến khích việc không ngừng tạo ra các tác phẩm mới. Quyền tự do ngôn luận giúp mọi người có thể tiếp cận thông tin, tri thức, chia sẻ và truyền đạt chúng cho những người khác - đây là yếu tố hết sức cần thiết để mỗi cá nhân tự hoàn thiện bản thân. Việc có thể tự do chia sẻ quan điểm với những người khác, thuyết phục họ, khai mở tri thức mới cho họ không chỉ đem lại niềm vui cho người khác, mà còn khiến chính người chia sẻ tri thức nâng tầm hiểu biết của bản thân, hoàn thiện nhân cách của chính mình thông qua sự giao tiếp, đối thoại, trao đổi cởi mở, không ngừng tiếp nhận thông tin tương tác, đa chiều. Điều đó làm cho xã hội văn minh, tiến bộ hơn, dân chủ hơn.

Mục tiêu bao trùm của hệ thống bảo hộ quyền tác giả là tạo động lực về lợi ích để khuyến khích hoạt động sáng tạo. Bản chất của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) nói

chung và quyền tác giả nói riêng là Nhà nước ghi nhận độc quyền của các nhà sáng tạo đối với các thành quả trí tuệ của họ trong một thời gian hạn định, nghĩa là họ có quyền ngăn cấm người khác sao chép, sử dụng, khai thác thành quả sáng tạo của mình mà không xin phép, và Nhà nước bảo vệ khi có hành vi xâm phạm độc quyền đó theo các cơ chế khác nhau. Độc quyền này là sự “trao thưởng” của toàn xã hội thông qua đại diện là Nhà nước cho công sức, vốn đầu tư các chủ thể quyền SHTT đã bỏ ra để nghiên cứu, sáng tạo. Tuy nhiên, độc quyền đó không tồn tại vĩnh viễn. Sau khi hết thời hạn bảo hộ quyền SHTT - tức là một khoảng thời gian đủ để chủ thể quyền SHTT có thể độc quyền khai thác lợi ích vật chất từ thành quả sáng tạo của mình để bù đắp xứng đáng vốn, công sức bỏ ra, công chúng có quyền tự do tiếp cận, sử dụng các thành quả sáng tạo đã có để tiếp tục cải tiến, nâng cấp, sáng tạo ra các đối tượng mới, nhờ đó không ngừng thúc đẩy sự phát triển của khoa học công nghệ và văn học, nghệ thuật, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, đem lại lợi ích cho toàn xã hội. Án lệ nổi tiếng của Tòa án tối cao Hoa Kỳ *Harper & Row Publishers, Inc. v. Nation Enterprises* (1985) đã phân tích sâu sắc mối quan hệ giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận, trong đó khẳng định quyền tác giả chính là “động lực của tự do biểu đạt”, và “quyền tác giả cung cấp động lực về kinh tế cho việc sáng tạo và phổ biến các ý tưởng” [5; tr.559].

Đặc trưng của các tài sản trí tuệ là tính chất vô hình, dễ lan truyền, dễ phổ biến; tại cùng một thời điểm, nhiều chủ thể có thể khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ đó mà không làm hao mòn giá trị tài sản, không loại trừ việc khai thác, sử dụng của các chủ thể khác. Điều này hoàn toàn khác với tính chất “loại trừ” của tài sản hữu hình (chỉ một hoặc một số chủ thể hữu hạn có thể sử dụng tài sản tại cùng một thời điểm). Đặc tính vô hình của tài sản trí tuệ khiến cho việc xâm phạm quyền SHTT diễn ra rất dễ dàng, tràn lan, phổ biến, nhất là với sự hỗ trợ của các công nghệ hiện đại. Nếu như không có một hệ thống bảo hộ quyền SHTT, các chủ thể sáng tạo sẽ dần dần nản lòng, mất đi động lực

sáng tạo trước tình trạng “đưa con tinh thần” của họ dễ dàng bị người khác sao chép, sử dụng miễn phí, thậm chí xuyên tạc, bóp méo, mà bản thân họ không hề nhận được lợi ích tinh thần, vật chất nào từ chính thành quả lao động trí tuệ của mình. Hệ quả là xã hội sẽ không bao giờ được thụ hưởng lợi ích từ những tiến bộ khoa học công nghệ và sáng tạo văn học nghệ thuật.

Như vậy, hệ thống bảo hộ quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận đều hướng đến mục tiêu khuyến khích hoạt động sáng tạo và phổ biến thông tin, ý tưởng và sự biểu đạt, nhằm nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của xã hội [6; tr.845]. Cho đến giữa thế kỷ XX, quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận vẫn được coi là cùng tồn tại một cách cân bằng, hài hòa. Để khuyến khích các tác giả sáng tạo và phổ biến các tác phẩm (sự biểu đạt) mang tính nguyên gốc của họ, pháp luật quyền tác giả công nhận họ có một tập hợp các độc quyền về tài sản đối với tác phẩm, nhưng để tạo điều kiện cho công chúng tiếp cận tri thức, thành quả sáng tạo và kế thừa, phát triển các thành quả đó để tạo ra các tác phẩm mới, pháp luật quyền tác giả cũng đặt ra giới hạn nhất định đối với các độc quyền nói trên. Trong gần 300 năm kể từ khi đạo luật bản quyền đầu tiên được ban hành, pháp luật quyền tác giả đã đóng vai trò thúc đẩy sự sáng tạo và phổ biến tri thức nhân loại – một vai trò rất phù hợp với mục tiêu của quyền tự do ngôn luận. Các độc quyền của chủ sở hữu quyền tác giả bị hạn chế về phạm vi và thời hạn bảo hộ, tạo điều kiện cho công chúng có đủ không gian để tiếp cận, bình luận, trao đổi và sáng tạo xung quanh các tác phẩm được bảo hộ.

## 2.2. Quyền tác giả hạn chế quyền tự do ngôn luận

Vấn đề xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận chỉ mới được đặt ra và thảo luận từ thập niên 1970, bắt đầu với bài báo nổi tiếng của giáo sư Melville Nimmer đăng trên tạp chí luật UCLA Law Review. Mặc dù hệ thống bảo hộ quyền tác giả ra đời trên cơ sở cân bằng lợi ích của các nhà sáng tạo và lợi ích của toàn xã hội và nó là động cơ thúc đẩy tự do biểu đạt, nhưng trong không ít trường hợp, quyền tác giả lại hạn chế, cản trở quyền tự do ngôn luận.

Để biểu đạt ý tưởng của mình một cách hiệu quả, mọi người thường phải sử dụng hoặc dựa vào sự biểu đạt (tác phẩm) của người khác đang còn thời hạn bảo hộ quyền tác giả. Pháp luật quyền tác giả không cho phép thực hiện điều đó nếu không được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả. Tuy nhiên, quá trình xin phép này không dễ dàng, nhiều khi rất phức tạp, phiền hà, tốn kém, chẳng hạn như không thể tìm thấy được chủ sở hữu quyền tác giả là ai, đang ở đâu, hoặc dù tìm được nhưng chủ sở hữu quyền tác giả từ chối cấp phép, hay yêu cầu trả một cái giá quá cao để được phép sử dụng tác phẩm của họ [7; tr.417]. Phạm vi của quyền tác giả là rất rộng: không chỉ chống lại sự sao chép nguyên vẹn, mà còn chống lại việc tạo ra các tác phẩm phái sinh như dịch, phỏng tác, cải biên, chuyển thể... Sáng tạo ra một tác phẩm, bao gồm cả tác phẩm phái sinh, cũng chính là một hình thức biểu đạt của con người. Do vậy, quyền tác giả có thể dẫn đến tình trạng “kiểm duyệt tư nhân”, nghĩa là các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu quyền tác giả có khả năng quyết định việc người khác được phép hay không được phép sáng tạo ra tác phẩm nào và có quyền ngăn chặn việc phát tán, phổ biến các tác phẩm mới [7; tr.431].

Như vậy, quyền tác giả vừa là động lực của tự do biểu đạt nhưng đồng thời cũng chính là một trở ngại đối với tự do biểu đạt. Quyền tác giả tạo ra động lực về kinh tế để các tác giả sáng tác (biểu đạt ý tưởng của mình), nhưng cũng chính quyền tác giả ngăn cản mọi người truyền đạt thông điệp của họ một cách hiệu quả. Trong khi quyền tự do ngôn luận đảm bảo cho sự phổ biến thông tin ở mức rộng nhất có thể từ các nguồn đa dạng và trái chiều, quyền tác giả lại hạn chế sự phổ biến, truyền bá thông tin đó trong nhiều lĩnh vực, từ hoạt động đưa tin tức báo chí, bình luận chính trị, phê bình văn hóa, biểu đạt nghệ thuật, nghiên cứu lịch sử, đến sáng tạo trong giải trí.

Trong những thập kỷ gần đây, xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận đã trở nên ngày càng gay gắt hơn do sự mở rộng của quyền tác giả và sự phát triển của công nghệ số.

*Thứ nhất: Sự mở rộng của quyền tác giả*

Xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận ngày càng thể hiện rõ rệt hơn với sự mở rộng không ngừng của quyền tác giả. Theo thời gian, nội dung quyền tác giả được bổ sung thêm các độc quyền mới, phạm vi kiểm soát của chủ sở hữu quyền tác giả đối với các hành vi sử dụng tác phẩm ngày càng lớn với thời hạn dài hơn. Ngành công nghiệp bản quyền liên tục vận động hành lang mạnh mẽ để tăng quyền năng cho các chủ sở hữu quyền tác giả. Ban đầu, quyền tác giả chỉ là độc quyền sao chép và phân phối bản sao tác phẩm, sau đó được mở rộng và bao gồm cả quyền làm tác phẩm phái sinh, quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng, quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng,... Thời hạn bảo hộ quyền tác giả hiện nay được kéo dài hơn so với thời hạn quy định trong đạo luật bản quyền đầu tiên năm 1709. Nhiều biện pháp bảo vệ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số đã được bổ sung để thực thi quyền tác giả một cách hữu hiệu hơn. Pháp luật quy định xử lý không chỉ các hành vi xâm phạm quyền tác giả trực tiếp mà cả các hành vi gián tiếp xâm phạm quyền tác giả như sản xuất, phân phối, nhập khẩu các thiết bị mà biết rõ là được sử dụng để thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả. Ngoài ra, các chủ sở hữu quyền tác giả ngày nay còn sử dụng công cụ hợp đồng để mở rộng hơn nữa các quyền của mình. Một nền văn hóa “xin phép” (clearance culture) đã hình thành và thống trị trong các ngành công nghiệp nội dung, trong đó các chủ sở hữu quyền tác giả (chứ không phải tác giả) thường xuyên đòi hỏi những người sáng tạo sau phải xin phép để sử dụng một phần tác phẩm của họ, kể cả trong những trường hợp không bị coi là xâm phạm [8; tr.17]. Khi quyền tác giả không ngừng mở rộng, dường như sứ mệnh là động lực của tự do biểu đạt của nó đã không còn nguyên nghĩa. Cán cân lợi ích giữa chủ sở hữu quyền tác giả và công chúng đang có phần nghiêng về phía lợi ích các chủ sở hữu. Quyền tác giả đang có xu hướng được coi là một độc quyền về tài sản hơn là một công cụ bảo đảm và thúc đẩy tự do biểu đạt [9; tr.328].

*Thứ hai: Sự phát triển của công nghệ số*

Trong bối cảnh bùng nổ công nghệ số hiện nay, nhiều hoạt động hàng ngày của con người, từ việc thu thập, tìm kiếm thông tin, giao tiếp với người khác, tham gia các diễn đàn thảo luận công cộng, đến hoạt động giải trí, nghệ thuật, đều được chuyển đổi từ môi trường thực sang môi trường số, do vậy khả năng các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi pháp luật quyền tác giả càng gia tăng. Những tiến bộ công nghệ số làm thay đổi hoàn toàn cách thức con người có thể tiếp cận các tác phẩm có bản quyền. Con người hiện đại chỉ với một chiếc máy tính xách tay hoặc điện thoại thông minh là có thể tiếp cận và thưởng thức các tác phẩm văn học, nghệ thuật tại bất kỳ thời gian, địa điểm nào. Tiến bộ công nghệ cũng khiến cho người dùng Internet có thể dễ dàng khởi tạo và chia sẻ nội dung do họ tạo ra, và các nội dung này thường dựa trên các tác phẩm đã có, vì vậy nguy cơ người dùng Internet xâm phạm quyền tác giả là rất cao. Có thể nói, vấn đề tự do biểu đạt trên Internet trở nên cấp thiết hơn khi hoạt động của người dùng Internet hiện nay chuyển trọng tâm từ việc tải xuống hoặc chia sẻ các tác phẩm sang việc sử dụng các tư liệu có bản quyền đã có sẵn để tạo lập nội dung của người dùng (user-generated content), đây là một hình thức quan trọng để mọi người đều có thể biểu đạt và chia sẻ quan điểm, ý tưởng của mình một cách rộng rãi và dễ dàng, đồng thời tiếp nhận sự biểu đạt của người khác. Do đó, nhu cầu vay mượn, sử dụng tác phẩm của người khác trong hoạt động sáng tạo ngày càng lớn hơn. Hàng triệu người trên thế giới có thể dễ dàng cắt, dán, kết hợp các bản ghi âm, phim, ảnh,... để tạo ra các tác phẩm mới và phân tán chúng trên toàn cầu. Sự vay mượn sáng tạo đó đã tạo ra các loại hình nghệ thuật hoàn toàn mới như *remix* (phối lại), *sampling* (lấy một phần, hoặc một mẫu, của một bản ghi âm và tái sử dụng nó như một công cụ hoặc một bản ghi âm trong một bài hát hoặc đoạn khác nhau), *mashup* (pha trộn), *machinima* (tạo rap phim hoạt hình bằng phần mềm trò chơi trực tuyến),... [7; tr.429]. Các nghệ sĩ trong lĩnh vực này coi quyền tác giả như một hàng rào phi lý và không đáng có đối với sự tự do biểu đạt của họ.

### 3. Giải pháp pháp lý hiện nay ở các quốc gia nhằm khắc phục xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận và những bất cập

Pháp luật các nước trên thế giới hiện nay sử dụng hai công cụ chủ yếu để giải quyết xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận: *một là*, pháp luật khẳng định nguyên tắc chỉ bảo hộ sự thể hiện mang tính sáng tạo chứ không bảo hộ ý tưởng (the idea-expression dichotomy) và *hai là*, pháp luật quy định các trường hợp sử dụng công bằng, hợp lý tác phẩm của người khác mà không bị coi là xâm phạm quyền tác giả (fair use) [6; tr.844]. Các công cụ này đặt ra những giới hạn đối với quyền tác giả nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa quyền tác giả với quyền tự do ngôn luận. Gần đây, Canada đi tiên phong trong việc đưa ra quy định mới về giới hạn quyền tác giả áp dụng riêng đối với nội dung do người dùng Internet khởi tạo, nhằm thích ứng với những biến đổi của xã hội thông tin trong kỷ nguyên số.

#### 3.1. Pháp luật quyền tác giả chỉ bảo hộ sự thể hiện mang tính sáng tạo (hình thức) chứ không bảo hộ ý tưởng (nội dung)

Nhìn tổng thể, quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận có thể “chung sống hòa hợp” với nhau bởi pháp luật quyền tác giả chỉ bảo hộ “sự thể hiện” (expression), chứ không bảo hộ “ý tưởng” (idea), quy trình, các nguyên lý khái quát, trừu tượng, hay thông tin chứa đựng trong tác phẩm. Pháp luật công nhận và bảo đảm các quyền của tác giả đối với tác phẩm, nhưng khuyến khích những người khác tự do sử dụng, kế thừa và phát triển những ý tưởng và thông tin được truyền tải trong tác phẩm đã được bảo hộ, cũng như truyền tải ý tưởng của riêng họ, với điều kiện họ “thể hiện” ý tưởng hay thông tin đó theo một cách thức khác, với hình thức biểu đạt khác, sử dụng ngôn từ hoặc hình ảnh khác. Về lý thuyết, cùng một ý tưởng sẽ luôn luôn có nhiều hình thức thể hiện và truyền tải nó khác nhau, phụ thuộc vào sự sáng tạo của tác giả. Bất kỳ ai cũng có thể sử dụng ý tưởng trong một tác phẩm được bảo hộ, nên về lý thuyết, sẽ không có sự xung đột nào giữa việc

bảo hộ quyền tác giả với thực hiện quyền tự do ngôn luận. Nguyên tắc chỉ bảo hộ hình thức thể hiện, không bảo hộ nội dung ý tưởng góp phần hạn chế khả năng xảy ra tình trạng kiểm duyệt tư nhân trong lĩnh vực sáng tạo [9; tr.320].

Tuy nhiên, sự phân biệt giữa ý tưởng và hình thức thể hiện như trên có những điểm bất cập cả về mặt lý luận và thực tiễn:

Thứ nhất, nó đi ngược lại nguyên tắc cơ bản của tự do ngôn luận là người phát ngôn không chỉ có quyền tự quyết định nội dung, chủ đề ngôn luận của mình, mà còn phải được tự quyết định hình thức thể hiện của phát ngôn đó.

Thứ hai, ranh giới giữa ý tưởng và hình thức thể hiện không phải lúc nào cũng có thể xác định rõ ràng, nó được thẩm phán đánh giá theo từng vụ việc cụ thể. Ranh giới đó nhiều khi rất mờ hồ [10; tr.61]. Mặc dù pháp luật quyền tác giả khuyến khích hoạt động sáng tạo về hình thức thể hiện dựa trên các ý tưởng có sẵn, nhưng khi ranh giới giữa ý tưởng và hình thức thể hiện không được minh định, các tác giả sau luôn phải đối mặt với nguy cơ bị coi là xâm phạm quyền tác giả, gây ra hiệu ứng tiêu cực đối với hoạt động sáng tạo và quyền tự do biểu đạt của họ. Quyền tác giả hiện nay có phạm vi rất rộng; chủ sở hữu quyền tác giả nắm giữ cả độc quyền sao chép một phần hoặc toàn bộ tác phẩm và độc quyền làm tác phẩm phái sinh dựa trên tác phẩm của họ. Các tác giả sau thường thay đổi hình thức thể hiện của tác phẩm mà họ vay mượn để tạo ra tác phẩm mới (tác phẩm phái sinh), và đôi khi tác phẩm mới bị cáo buộc xâm phạm quyền tác giả phản ánh một mức độ sáng tạo đáng kể của tác giả sau. Trong trường hợp đó, liệu có thể xác định được rõ ràng tác giả sau đã sao chép “hình thức thể hiện” được bảo hộ quyền tác giả hay chỉ sử dụng “ý tưởng”, “tình tiết, sự kiện” là những yếu tố không được bảo hộ? Hơn nữa, trong một số trường hợp, sự phân biệt giữa ý tưởng và hình thức thể hiện thậm chí không tồn tại bởi vì có sự “hợp nhất” (merger) giữa ý tưởng và sự thể hiện ý tưởng [10; tr.77].

Thứ ba, trong nhiều trường hợp, phát ngôn sẽ kém hấp dẫn tính thuyết phục, biểu cảm, xác thực, dễ hiểu hay đáng tin cậy nếu người phát

ngôn không thể sao chép nguyên văn hình thức thể hiện của người khác. Trong những hoàn cảnh đó, pháp luật cần phải ghi nhận rằng việc sao chép là cần thiết để có thể truyền tải có hiệu quả thông điệp của người đưa ra phát ngôn. Việc trích dẫn nguyên văn từ sách, báo, thơ, phim ảnh... nhằm minh họa và phê bình là hành vi sao chép rất phổ biến và nó làm tăng đáng kể hiệu quả truyền đạt thông tin, nhưng không phải lúc nào cũng được coi là hành vi sử dụng công bằng, hợp lý theo pháp luật về quyền tác giả. Hơn thế nữa, để thực hiện quyền tự do ngôn luận một cách hiệu quả, thuyết phục, trích dẫn một đoạn nhiều khi là chưa đủ, mà phải là sao chép một phần đáng kể tác phẩm (sự thể hiện) của người khác [10; tr.79]. Trong những trường hợp này, người phát ngôn sao chép lại tác phẩm của người khác đang được bảo hộ quyền tác giả nhằm làm rõ ý tưởng hay tính cách của tác giả gốc, truyền đạt chính xác hơn suy nghĩ của tác giả gốc. Có thể tranh luận rằng người phát ngôn hoàn toàn có thể mô tả lại nội dung tác phẩm đó bằng ngôn ngữ thể hiện của chính mình; tuy nhiên, điều đó sẽ khiến cho phát ngôn của người này kém hiệu quả và giảm độ tin cậy đi rất nhiều đối với những người tiếp nhận phát ngôn đó. Như vậy, sự phân tách giữa ý tưởng và hình thức thể hiện trong pháp luật về quyền tác giả không đủ để bảo đảm quyền tự do ngôn luận.

### 3.2. Các trường hợp sử dụng công bằng, hợp lý tác phẩm

Được xây dựng trên nền tảng nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa các chủ thể sáng tạo và công chúng, luật bản quyền của bất kỳ quốc gia nào cũng đặt ra những giới hạn đối với quyền tác giả, đó là các trường hợp công chúng được phép sử dụng tác phẩm của người khác một cách công bằng, hợp lý (fair use/fair dealing) dù không xin phép, không trả thù lao cho chủ sở hữu quyền tác giả nhưng không bị coi là xâm phạm quyền tác giả. Phạm vi, mức độ và nội dung của giới hạn này trong pháp luật mỗi nước là khác nhau. Giới hạn quyền tác giả có thể được quy định trong luật dưới nhiều hình thức: một điều khoản “mở”, không liệt kê các trường

hợp mà chỉ đưa ra các tiêu chí để đánh giá một hành vi có phải là sử dụng hợp lý hay không (ví dụ điều khoản về “fair use” trong luật bản quyền Hoa Kỳ và “fair dealing” ở các nước khác thuộc truyền thống thông luật - common law), hoặc một điều khoản “đóng”, liệt kê chi tiết các trường hợp được coi là sử dụng hợp lý (ví dụ luật bản quyền các nước châu Âu lục địa, Trung Quốc, Việt Nam), hoặc kết hợp cả hai hình thức “đóng” và “mở”, tức là đưa ra một danh sách liệt kê nhưng vẫn mở ra các trường hợp khác có khả năng được coi là sử dụng công bằng, hợp lý.

Ở Hoa Kỳ, sử dụng công bằng, hợp lý được coi là “chiếc van an toàn” thứ hai rất quan trọng để bảo đảm sự hài hòa, cân bằng giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận. Các giới hạn quyền tác giả được thể hiện trong quy định mở về “fair use”, cho phép tòa án có thể áp dụng các giới hạn này một cách linh hoạt, thích ứng với các tình huống mới xảy ra trong thực tiễn. Fair use là một học thuyết được phát triển từ án lệ của tòa án Hoa Kỳ và sau đó được pháp điển hóa vào Điều 107 Đạo luật bản quyền Hoa Kỳ. Điều khoản này cho phép việc sử dụng các tác phẩm có bản quyền mà không phải xin phép trong một số trường hợp nhất định được nêu ví dụ cụ thể ở Điều 107 như phê bình, bình luận, học thuật, nghiên cứu, đưa tin thời sự hay giảng dạy, tuy nhiên đây chỉ là ví dụ về các trường hợp sử dụng hợp lý chứ không phải một danh sách đóng. Để đánh giá một hành vi sử dụng tác phẩm của người khác có phải là “fair use” hay không, luật đưa ra một phép thử gồm bốn tiêu chí:

Thứ nhất, mục đích và tính chất của việc sử dụng: mục đích thương mại hay phi thương mại, có thuộc trường hợp “phê bình, bình luận, học thuật, nghiên cứu, đưa tin thời sự hay giảng dạy” hay không, mức độ “sáng tạo” (transformative) của việc sử dụng (có biến đổi so với tác phẩm được sử dụng hay là sao chép y hệt). Nếu tác phẩm phái sinh sử dụng các yếu tố được bảo hộ trong tác phẩm gốc theo một cách mới mẻ, sáng tạo và khác biệt thì có nhiều khả năng được coi là “fair use” hơn.

Thứ hai, tính chất của tác phẩm được bảo hộ. Một số loại hình tác phẩm có mức độ sáng



tạo cao hơn, do đó cần được bảo hộ ở mức cao hơn so với các tác phẩm khác, ví dụ: tác phẩm điện ảnh được bảo hộ ở mức rất cao, tác phẩm văn học hư cấu có mức độ sáng tạo lớn hơn so với tác phẩm phi hư cấu. Đối với các tác phẩm có mức độ sáng tạo cao, khó để chứng minh việc sử dụng là “hợp lý” hơn.

Thứ ba, số lượng và thực chất của phần được sử dụng, trong mối quan hệ với toàn bộ tác phẩm.

Thứ tư, tác động của việc sử dụng lên thị trường tiềm năng hoặc giá trị của tác phẩm được bảo hộ.

Việc đánh giá “fair use” phụ thuộc vào các tình tiết cụ thể của từng trường hợp, trên cơ sở phân tích bốn tiêu chí (yếu tố) kể trên. Mặc dù cách quy định và áp dụng như vậy dẫn đến tính không chắc chắn về kết quả đánh giá, nhưng lại rất linh hoạt, không cứng nhắc, với mục tiêu vừa bảo vệ quyền tác giả một cách hữu hiệu vừa bảo đảm quyền tự do sáng tạo của công chúng.

Tuy nhiên, sử dụng công cụ “fair use” để cân bằng giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận cũng có bất cập tương tự như công cụ phân biệt giữa ý tưởng và hình thức thể hiện đã phân tích ở trên, đó là tính chất không chắc chắn, không rõ ràng, không nhất quán. Fair use được tòa án đánh giá qua từng vụ án cụ thể, với những tình tiết cụ thể trong từng trường hợp, và do đó khó có thể dự đoán trước kết quả giải quyết của tòa án [8; tr.20]. Trong những thập kỷ gần đây, việc viện dẫn fair use để bảo vệ quyền tự do ngôn luận tại tòa án Hoa Kỳ hầu hết đều không thành công.

Như vậy, ngoại lệ “fair use” và nguyên tắc phân biệt giữa ý tưởng và hình thức thể hiện đều có những bất cập và không thực hiện được đầy đủ vai trò bảo đảm cân bằng, hài hòa giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận, tự do biểu đạt.

### 3.3. Viện dẫn luật nhân quyền để cân bằng giữa quyền tác giả và quyền tự do biểu đạt

Khác với pháp luật Hoa Kỳ và các nước common law nói chung, pháp luật quyền tác giả của các nước châu Âu lục địa liệt kê cụ thể các trường hợp sử dụng tác phẩm hợp lý mà không

bị coi là xâm phạm quyền tác giả. Việc vay mượn từ tác phẩm đang được bảo hộ chỉ được phép trong một số trường hợp rất hạn chế như trích dẫn, chế lại (parody), hoặc trường hợp “sử dụng miễn phí” (free use) theo luật của Đức [7; tr.432]. Tuy nhiên, các quy định này thường không đủ để bảo đảm cho việc thực hiện quyền tự do biểu đạt, tự do sáng tạo. Ví dụ, ngoại lệ về trích dẫn chỉ áp dụng đối với tác phẩm viết, không áp dụng đối với hình ảnh.

Ngoại lệ về làm tác phẩm chế lại (parody) cũng có những hạn chế. Tòa án công lý châu Âu trong án lệ *Deckmyn* năm 2014 đã đưa ra các đặc điểm cơ bản của parody là (1) gọi liên tưởng đến một tác phẩm đã có nhưng thể hiện khác đi một cách dễ dàng nhận biết và (2) tạo nên một sự biểu đạt mang tính hài hước hoặc châm biếm. Tuy nhiên, Tòa án công lý châu Âu khẳng định rằng quy định về parody của Liên minh châu Âu cần được giải thích một cách chặt chẽ [7; tr.433]. Một số quốc gia châu Âu, chẳng hạn như Đức, không có quy định riêng về parody nhưng đưa ra khái niệm “sử dụng miễn phí một tác phẩm”, trong đó parody cũng có thể được cho phép nếu thỏa mãn các điều kiện luật định về “sử dụng miễn phí”. Tòa án Đức khẳng định rằng ngoại lệ về “sử dụng miễn phí” trong luật Đức cần được tòa án giải thích theo tinh thần của luật EU, đặc biệt là theo phán quyết của Tòa án công lý châu Âu trong vụ *Deckmyn*. “Sử dụng miễn phí” được quy định tại Điều 24 Luật bản quyền của Đức, cho phép tác giả được khai thác miễn phí một tác phẩm được tạo ra trên cơ sở một tác phẩm khác, với điều kiện các đặc điểm mang tính chất cá thể hóa của tác phẩm gốc không còn trong tác phẩm phái sinh. Tuy nhiên, điều khoản này thường được giải thích theo nghĩa rất hẹp trong lĩnh vực học thuật cũng như trong thực tiễn xét xử và hiếm khi tòa án chấp nhận rằng việc tái sử dụng các tài liệu có bản quyền thuộc trường hợp “sử dụng miễn phí” [7; tr.433].

Do đó, thẩm phán các nước châu Âu thường phải dựa vào các cơ chế pháp lý khác bên ngoài pháp luật quyền tác giả như luật nhân quyền để giải quyết xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận, tự do biểu đạt. Trong nhiều

trường hợp, một số tòa án ở châu Âu đã áp dụng trực tiếp quy định về quyền cơ bản (fundamental right) để bảo vệ quyền tự do biểu đạt theo Điều 10 Công ước châu Âu về quyền con người, cho phép việc tái sử dụng một cách sáng tạo tác phẩm đang được bảo hộ [7; tr.441]. Tuy nhiên, không phải trong trường hợp nào quyền tự do sáng tạo và biểu đạt cũng thắng thế so với quyền tác giả tại tòa án. Các học giả châu Âu gần đây đã có những cuộc tranh luận sôi nổi về việc giảm bớt tính cứng nhắc, tăng tính mở và linh hoạt cho điều khoản quy định giới hạn quyền tác giả, hoặc thậm chí đưa vào một trường hợp giới hạn cụ thể dành riêng cho “nội dung do người dùng Internet khởi tạo”.

### 3.4. Quy định giới hạn quyền tác giả dành riêng cho nội dung do người dùng Internet khởi tạo (user-generated content)

Để đảm bảo sự hài hòa giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận trong kỷ nguyên số, pháp luật Canada gần đây đã bổ sung một ngoại lệ của quyền tác giả dành riêng đối với nội dung do người dùng Internet khởi tạo trên cơ sở tái sử dụng tư liệu có bản quyền của người khác. Theo Điều 29.21 (Nội dung do người dùng khởi tạo không mang tính thương mại) của Luật bản quyền Canada, một cá nhân có thể sử dụng một tác phẩm đã được công bố để tạo ra một tác phẩm mới và sử dụng tác phẩm mới hoặc cho phép một bên trung gian phổ biến tác phẩm mới mà không bị coi là xâm phạm quyền tác giả [11]. Để được áp dụng ngoại lệ này, người dùng phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau đây: (1) việc sử dụng tác phẩm mới hoặc cho phép bên trung gian phổ biến tác phẩm mới phải hoàn toàn nhằm mục đích phi thương mại; (2), người dùng phải nêu rõ xuất xứ tác phẩm mà mình đã dựa vào đó để tạo ra tác phẩm mới, nếu có thể; (3) người dùng có căn cứ hợp lý để tin rằng tác phẩm mà mình dựa vào đó để sáng tạo không xâm phạm quyền tác giả của người khác, và (4) việc sử dụng tác phẩm mới hoặc cho phép phổ biến tác phẩm mới không gây ảnh hưởng tiêu cực đáng kể về tài chính đối với việc

khai thác hoặc tiềm năng khai thác tác phẩm gốc, hoặc đối với thị trường hiện hữu hay tiềm năng của tác phẩm gốc.

## 4. Một số gợi mở cho Việt Nam

Nếu như xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận đang là vấn đề nổi cộm và khơi gợi những tranh luận học thuật sôi nổi ở các nước phát triển, thì ở Việt Nam, vấn đề này chưa thực sự được quan tâm, một phần là do hiệu quả thực thi quyền SHTT nói chung và thực thi quyền tác giả nói riêng còn hạn chế, vì vậy quyền tác giả chưa đủ mạnh để có thể gây hạn chế, cản trở đối với quyền tự do ngôn luận, tự do biểu đạt ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh nước ta đang tăng cường bảo hộ và thực thi quyền SHTT, nhằm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam, đặc biệt là các cam kết mạnh mẽ về SHTT trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA), khả năng xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận, tự do biểu đạt sẽ ngày càng lớn, trước tiên là trong lĩnh vực giải trí, nghệ thuật.

Một ví dụ cho thấy vấn đề xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận đã phát sinh ở Việt Nam là trường hợp nhạc chế (đặt lời mới cho bài hát). Một nơi ca khúc “chế” chiếm tỷ lệ cao là chương trình Gặp nhau cuối năm trên truyền hình đêm giao thừa, một món ăn tinh thần quen thuộc của người Việt Nam mỗi dịp Tết Nguyên đán. Một số ca khúc “nhạc chế” trong Gặp nhau cuối năm do các Táo Quân trình bày được khán giả rất yêu thích và chia sẻ rất rộng rãi, thậm chí trên mạng còn có clip tổng hợp các ca khúc “nhạc chế” hay nhất của Táo Quân và được nhiều người quan tâm theo dõi. Việc sử dụng các bài nhạc chế rõ ràng đã nâng cao hiệu quả của chương trình lên rất nhiều trong việc truyền tải thông điệp phê phán các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Theo pháp luật Việt Nam hiện hành, trường hợp này không

được coi là sử dụng hợp lý tác phẩm. Trong khi đó, pháp luật Mỹ, Canada và nhiều nước châu Âu như Anh, Pháp, Đức quy định “nhại lại, chế lại tác phẩm của người khác nhằm mục đích gây cười” (parody) có thể được coi là một trường hợp “sử dụng hợp lý” (fair use), một ngoại lệ của quyền tác giả, nếu thỏa mãn các tiêu chí khác do luật quy định như việc nhại lại, chế lại nhằm mục đích hài hước; có sự biến đổi mang tính chất sáng tạo so với tác phẩm gốc; không ảnh hưởng đến các quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả chủ sở hữu quyền tác giả [12].

Bên cạnh đó, Việt Nam là một trong những nước có tốc độ phát triển Internet nhanh nhất thế giới với trên 50 triệu người dùng Internet [13], do đó dung lượng nội dung do người dùng tạo ra có tái sử dụng các tác phẩm được bảo hộ cũng rất lớn. Trong tương lai không xa, Việt Nam sẽ phải đối mặt với nguy cơ xung đột giữa quyền tự do ngôn luận của người dùng Internet và quyền tác giả đối với các tác phẩm được bảo hộ. Trong khi đó, pháp luật Việt Nam chưa dự liệu trường hợp này và không có quy định ngoại lệ của quyền tác giả đối với nội dung do người dùng Internet tạo ra trên cơ sở tái sử dụng tác phẩm có bản quyền.

Như vậy, Việt Nam cần nhận thức rõ về sự xung đột giữa quyền tác giả và quyền tự do ngôn luận, nghiên cứu tham khảo kinh nghiệm các quốc gia đi trước để xây dựng và hoàn thiện pháp luật quyền tác giả phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội đang biến đổi nhanh chóng, chẳng hạn, nghiên cứu bổ sung các trường hợp sử dụng hợp lý tác phẩm như hành vi chế lại tác phẩm của người khác nhằm mục đích hài hước, hoặc hành vi người dùng tự sáng tạo và chia sẻ nội dung trên Internet dựa trên tác phẩm của người khác mà không nhằm mục đích thương mại.

### Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia trong đề tài mã số 505.01-2017.02.

### Tài liệu tham khảo

- [1] English Bill of Rights 1689, [https://avalon.law.yale.edu/17th\\_century/england.asp](https://avalon.law.yale.edu/17th_century/england.asp).
- [2] Declaration of Human and Civic Rights of 26 August 1789, Article 11, [https://www.conseil-constitutionnel.fr/sites/default/files/as/root/bank\\_mm/anglais/cst2.pdf](https://www.conseil-constitutionnel.fr/sites/default/files/as/root/bank_mm/anglais/cst2.pdf).
- [3] U.S. Constitution, Amendment I, [https://www.law.cornell.edu/constitution/first\\_amendment](https://www.law.cornell.edu/constitution/first_amendment).
- [4] Basic Law for the Federal Republic of Germany, Article 5.2, <https://www.btg-bestellservice.de/pdf/80201000.pdf>.
- [5] Harper & Row Publishers, Inc. v. Nation Enterprises, 471 U.S. 539 (1985).
- [6] Joseph P. Bauer, Copyright and the First Amendment: Comrades, Combatants, or Uneasy Allies?, 67 Washington & Lee Law Review 831 (2010).
- [7] Christophe Geiger, Freedom of Artistic Creativity and Copyright Law: A Compatible Combination?, 8 UC Irvine Law Review 413 (2018).
- [8] Neil Weinstock Netanel, Copyright's Paradox, Oxford University Press (2008).
- [9] Pamela Samuelson, Copyright and Freedom of Expression in Historical Perspective, 10 Journal of Intellectual Property Law 319 (2003).
- [10] Yin Harn Lee, Copyright and Freedom of Expression: A Literature Review, May 2015, <https://www.create.ac.uk/publications/copyright-and-freedom-of-expression-a-literature-review/>.
- [11] Canada Copyright Act, Article 29.21, <https://laws-lois.justice.gc.ca/eng/acts/C-42/page-9.html#docCont>.
- [12] Intellectual Property Office (2013), The Treatment of Parodies under Copyright Law in Seven Jurisdictions: A comparative Review of the Underlying Principles, [https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment\\_data/file/309902/ipresearch-parody-report2-150313.pdf](https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/309902/ipresearch-parody-report2-150313.pdf).
- [13] <https://dantri.com.vn/suc-manh-so/viet-nam-la-mot-trong-nhung-nuoc-co-toc-do-phat-trien-internet-nhanh-nhat-the-gioi-20181204153607948.htm>.